

ỨNG DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ HỌC TẬP MOODLE NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN

TS. BÙI VIỆT PHÚ* - ThS. NGUYỄN THỊ MAI THỦY**

Abstract: Today, self-educated capacity of students is the decisive factor in improving the quality of education of universities and colleges. The article refers to Moodle and the its application in enhancing self-educated ability of students through online courses.

Keywords: Self-study; students; moodle; system; manage.

Ngày nhận bài: 12/03/2016; ngày sửa chữa: 20/03/2016; ngày duyệt đăng: 28/03/2016.

Phát huy năng lực tự học (TH), tự nghiên cứu của sinh viên (SV) là nhiệm vụ quan trọng của công tác đào tạo bậc cao đẳng (CĐ), đại học (ĐH) và được ban hành tại Điều 40 của **Luật Giáo dục 2005**. Việc khuyến khích SV trong các trường CĐ, ĐH TH, tự nghiên cứu để nâng cao năng lực cho bản thân đang là vấn đề mà nhiều nhà giáo dục và nhà trường quan tâm, nhất là trong đào tạo theo hình thức tín chỉ. Trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay, việc ứng dụng các hệ thống phần mềm trong quản lý (QL) học tập là rất cần thiết, trong đó, hệ thống QL học tập Moodle là một trong những công cụ hữu hiệu nhằm nâng cao năng lực TH cho SV.

1. Vai trò của TH

Theo Phan Bích Ngọc [1; tr 160-164], TH là nhân tố trực tiếp trong việc nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường CĐ, ĐH. Khi trở thành SV, các em bắt đầu phải làm quen với phương thức học tập hoàn toàn mới ở CĐ, ĐH - đó là học phương pháp là chủ yếu. Giảng viên (GV) đóng vai trò hướng dẫn học tập; các giờ lên lớp chỉ cung cấp được những kiến thức, tài liệu cơ bản nhất, còn nhiệm vụ của SV là sắp xếp trình tự, thời gian để nghiên cứu, nắm bắt các tài liệu cơ sở và cả tài liệu tham khảo mở rộng. Thêm vào đó, không còn sự kiểm tra sát sao của người dạy như ở phổ thông, kết quả học tập ở CĐ, ĐH dựa trên tính chuyên cần, một bài kiểm tra giữa kì và một bài thi hết học phần. Do đó, kết quả học tập phụ thuộc vào năng lực TH của SV là chủ yếu. Như vậy, quá trình học CĐ, ĐH đòi hỏi SV phải có nhiều cố gắng, nỗ lực trong TH, tự nghiên cứu nhằm trang bị cho mình những kiến thức mới nhất, khoa học nhất, thu nhận được nhiều kinh nghiệm hoạt động thực tiễn và đạt kết quả học tập như mong muốn.

TH là tự “biến đổi” mình, tự làm “phong phú” mình bằng cách thu lượm và xử lý thông tin từ môi

trường xung quanh. Việc TH rèn luyện cho SV thói quen độc lập suy nghĩ và giải quyết những vấn đề khó khăn trong nghề nghiệp, trong cuộc sống, giúp các em tự tin hơn với các lựa chọn của mình. Hơn thế, TH thúc đẩy ở SV lòng ham học, ham hiểu biết, khát khao vươn tới những đỉnh cao của khoa học, sống có hoài bão, ước mơ. Do vậy, TH còn có vai trò to lớn trong việc giáo dục, hình thành nhân cách cho SV.

TH, tự nghiên cứu còn đi đôi với sự hợp tác với các bạn trong môi trường xã hội, cộng đồng lớp học và dưới sự hướng dẫn của người thầy. TH được tổ chức tốt không những cung cấp cho SV những kiến thức mới, bổ ích mà còn giúp các em rất nhiều trong công việc sau này, bởi vì năng lực hoạt động thực tiễn và chất lượng công tác của mỗi người phụ thuộc phần lớn vào việc TH của bản thân. Để có một công việc ổn định và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong tương lai, SV cần chuẩn bị tốt mọi kiến thức, kĩ năng ngay khi đang học tập ở nhà trường. Trong xã hội ngày càng phát triển, trang bị cho mình những tri thức toàn diện là một nhiệm vụ đặt ra cho công tác TH của mỗi cá nhân.

2. Moodle và ứng dụng trong việc nâng cao năng lực TH của SV

2.1. Moodle là một hệ thống QL học tập (Learning Management System - LMS, còn gọi là Course Management System - CMS) mã nguồn mở (do đó miễn phí và có thể chỉnh sửa được mã nguồn), cho phép tạo các khóa học trên mạng Internet hay các website học tập trực tuyến. Tính mã mở cùng độ linh hoạt cao của Moodle giúp

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

** Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

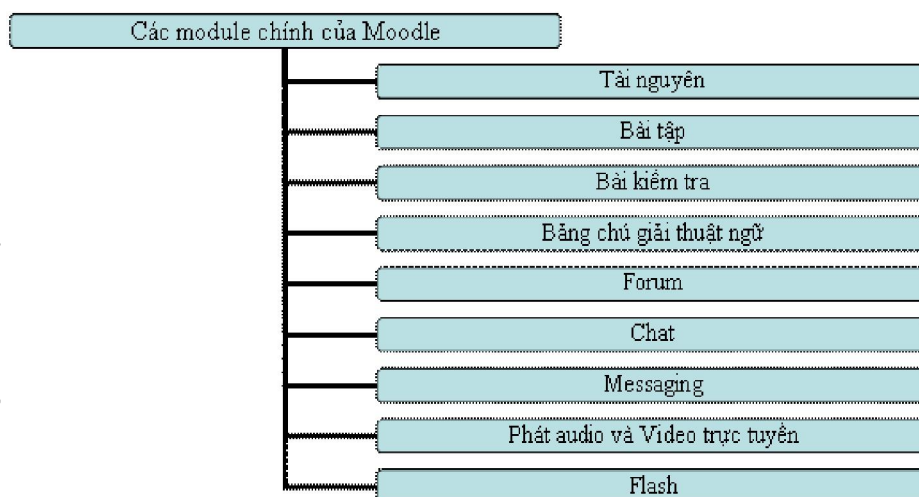
người phát triển có khả năng thêm vào các module cần thiết một cách dễ dàng.

Moodle (viết tắt của Modular Object-Oriented Dynamic Learning Environment) được sáng lập năm 1999 bởi Martin Dougiamas. Đến nay, Moodle có sự phát triển vượt bậc và thu hút được sự quan tâm của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Trên thực tế, các nhà sư phạm trong cộng đồng phát triển đã mang lại cho Moodle những tính năng mà các nhà cung cấp thương mại chưa bao giờ nghĩ đến. Có thể so sánh những tính năng của Moodle với hai hệ thống CMS thương mại hàng đầu là Blackboard và WebCT như sau (xem *bảng 1*):

Bảng 1. So sánh những tính năng của Moodle với Blackboard và WebCT

Tính năng	Blackboard	WebCT	Moodle
Tải lên và chia sẻ tài liệu	✓	✓	✓
Tạo nội dung trực tuyến trong HTML		✓	✓
Thảo luận trực tuyến	✓	✓	✓
Điểm số tham gia		✓	✓
Chat trực tuyến	✓	✓	✓
Học viên xem lại bài tập			✓
Bài thi/Bản khảo sát trực tuyến	✓	✓	✓
Bảng điểm số trực tuyến	✓	✓	✓
Sự đệ trình tư liệu của học viên	✓	✓	✓
Tự đánh giá đệ trình			✓
Học viên làm việc theo nhóm	✓	✓	✓
Các đường dẫn bài giảng	✓	✓	✓
Nhật kí học viên			✓
Bảng chú giải			✓

Có thể thấy, Moodle thật sự có tất cả các tính năng chính của các hệ thống thương mại, và có một số tính năng mà các hệ thống khác không có. Ngoài ra Moodle có thể tùy biến và cấu hình mềm dẻo một cách đáng ngạc nhiên. Mã mở được đưa ra công khai, do đó người dùng có thể tùy biến hệ thống để phù hợp với các yêu cầu đào tạo và thuê lập trình viên làm thay cho mình. Ngay cả khi không phải là một lập trình viên, người dùng vẫn có thể cài đặt Moodle trên một server, tạo các khóa học, cài thêm các module bổ sung và gỡ các rắc rối với sự trợ giúp của cộng đồng Moodle (xem *sơ đồ 1*).



Sơ đồ 1. Các module chính của Moodle

2.2. Ứng dụng Moodle trong việc nâng cao năng lực TH của SV. Năng lực TH có nhiều mức độ: *TH hoàn toàn* (học với sách, không có GV bên cạnh) và *TH có người hướng dẫn* - đây là hình thức hoạt động tự lực của người học để chiếm lĩnh tri thức và hình thành kĩ năng tương ứng dưới sự hướng dẫn, tổ chức, chỉ đạo của GV thông qua tài liệu hướng dẫn TH. Rõ ràng, trong quá trình TH, SV sẽ gặp nhiều vấn đề mới, khó hiểu; vì vậy, để tránh rơi vào tình trạng “mò mẫm” thiếu cơ sở thì TH cần phải có sự hướng dẫn, tổ chức, chỉ đạo của người thầy. Bên cạnh đó, các tính năng cũng như sự mềm dẻo trong cấu hình của Moodle giúp chúng ta có thể tùy biến các module sẵn có của Moodle để nó trở thành công cụ hữu hiệu trong việc xây dựng một hệ thống QL học tập trực tuyến hỗ trợ quá trình TH của SV, theo mong muốn của GV cũng như SV và phù hợp với mô hình hoạt động của nhà trường, nhằm nâng cao năng lực TH cho SV dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của GV. Việc xây dựng hệ thống này dựa trên mô hình như sau:

a. Cài đặt hệ thống Moodle lên server của nhà trường.

b. Thiết kế giao diện cho hệ thống.

c. Thiết kế các chức năng (Roles), quyền hạn và quy trình hoạt động của hệ thống phù hợp với cơ cấu tổ chức của nhà trường. Việc làm này đảm bảo các cá nhân, khoa, phòng ban làm việc theo đúng chức năng, quyền hạn mà nhà trường giao.

d. Thiết kế các khóa học tiêu chuẩn sao cho trong mỗi khóa học, mỗi bài học đều được xác định vị trí của nó trong chương trình, ý nghĩa và nội dung chính của bài học đó. Đồng thời xác định mục tiêu của bài học

đó, các yêu cầu và nhiệm vụ (bao gồm các hoạt động học qua mạng) của SV khi học bài học đó. Như vậy, bước đầu GV sẽ xây dựng kế hoạch TH cho SV (TH theo hướng dẫn của GV) và đồng thời QL việc thực hiện kế hoạch đó, trên cơ sở:

- *GV sử dụng Roles để phân quyền cho SV trong khóa học.* Vai trò của một cá nhân trong khóa học xác định người đó có thể làm gì, hay nói cách khác là những quyền mà người dùng có thể thực hiện. Trong những phiên bản Moodle cũ (từ phiên bản đầu tiên đến phiên bản 1.7), chỉ có 6 vai trò có thể gán cho người dùng là: *Khách* (Guest), *Học viên* (Student), *GV - không có quyền chỉnh sửa* (Non-editing Teacher), *GV - có quyền chỉnh sửa* (Editing Teacher), *Người tạo lập khóa học* (Course Creator), và *Người QL khóa học* (Administrator). Nhưng trong những phiên bản mới hơn, Moodle đã cho phép tạo ra những vai trò mới và GV có thể chỉnh sửa nó. Ví dụ, GV có thể tạo ra các quyền riêng biệt trong từng diễn đàn: một học viên có thể là người tham gia trực tiếp của diễn đàn này nhưng chỉ là người xem ở diễn đàn khác trong khóa học. GV có thể dùng chức năng Groups để nhóm các SV lại thành từng nhóm làm việc hay vì mục đích cần thiết nào đó.

- *GV cung cấp tài nguyên.* Kiến thức vô cùng phong phú và ở trên rất nhiều kênh, nên đa phần SV sẽ thấy khó khăn khi lựa chọn tài liệu hay trang web để tham khảo. Do đó, GV cần cung cấp các tài liệu hay liên kết đến các trang web tốt để SV tham khảo, tránh được sự dàn trải và quá tải. Hơn thế nữa, GV có thể tích hợp các bài giảng điện tử soạn bằng PowerPoint, Adobe Presenter, LectureMaker... lên Moodle để SV nghiên cứu trước khi lên lớp và sau khi học xong bài học đó.

Bài giảng điện tử có đầy đủ các thành phần tương tự như một bài giảng trên lớp thông thường; bên cạnh đó, nó còn có các phần khác biệt rõ nét với bài giảng thông thường là có thêm âm thanh, hình ảnh, flash. Hơn nữa, các bài giảng điện tử có khả năng tái sử dụng bằng cách liên kết đến các nội dung giảng dạy trước đó hoặc ở các bài học khác, giúp việc tra cứu thông tin trong quá trình học trở nên nhanh chóng.

- Sau những buổi học trên lớp, *GV có thể yêu cầu SV làm thêm các bài tập*, đặc biệt là các bài tập vận dụng vào thực tế để HS vừa nắm vững kiến thức cơ bản, đồng thời tiếp cận được thực tế; yêu cầu SV làm và nộp các bài tiểu luận, bài trình bày hay các đoạn audio, video để có thể đánh giá quá trình TH của SV ngoài giờ lên lớp.

- Quan niệm nền tảng của đào tạo theo tín chỉ là sự tích lũy kiến thức, quá trình học là quá trình kiến

thức được cóp nhặt dần dần, tích lũy đến đâu được ghi nhận đến đấy. Do đó, *cần chú trọng đến việc đánh giá kết quả học tập thường xuyên.* Như vậy, cần thiết phải xây dựng thêm ngân hàng câu hỏi cho các bài kiểm tra trực tuyến sau mỗi chương hoặc các bài kiểm tra định kì sau mỗi tuần để SV kiểm tra lại kiến thức đã học. Với các bài kiểm tra này, SV có thể làm ở bất cứ nơi đâu có máy tính kết nối internet và vào bất cứ thời gian nào trước thời hạn GV quy định. Các bài kiểm tra trực tuyến có thể được đánh giá ngay lập tức nếu làm trắc nghiệm hoàn toàn. Điều này giúp SV đánh giá được ngay bài làm của mình cũng như xác định được ngay những gì mà bản thân còn thiếu sót, sai lầm; từ đó, họ sẽ tự điều chỉnh phương pháp học sao cho hiệu quả.

- *Tạo diễn đàn trao đổi giữa GV-SV* bất cứ lúc nào và từ bất cứ nơi đâu có kết nối Internet. SV không nhất thiết phải đăng nhập cùng một lúc để thảo luận với GV hoặc với các SV khác mà chỉ cần nắm được tất cả thông tin trên trang đó, từ đó có thể nắm được nội dung cũng như thời gian và tiến trình của cuộc thảo luận. Đây là một hình thức trao đổi “không đồng thời”, mở ra cho tất cả SV cơ hội để nêu lên ý kiến, quan điểm của mình một cách chính xác bằng cách cho phép SV có đủ thời gian cần thiết để chuẩn bị và chỉnh sửa phát biểu của mình trước khi gửi đi, khắc phục tình trạng một số SV không tự tin về khả năng giao tiếp ngôn ngữ của mình, giảm thiểu tâm lí e ngại, xấu hổ khi phát biểu trước đám đông.

Đầu tiên, để QL diễn đàn, GV cần xác định nhu cầu của SV, từ đó chọn loại diễn đàn đáp ứng chính xác nhu cầu của những thảo luận mà GV và SV sẽ tạo ra. Đây là vấn đề quan trọng quyết định chất lượng của diễn đàn. Moodle hỗ trợ các loại diễn đàn chính như: Một cuộc thảo luận đơn giản (mỗi người gửi lên một chủ đề thảo luận), diễn đàn thông thường và diễn đàn Q & A (đòi hỏi học viên phải gửi một trả lời của mình cho một câu hỏi mới có thể xem cũng như gửi phản hồi cho các bài gửi khác). Sau đó, nên thông báo trong phần nhiệm vụ của SV sau các bài học rằng GV sẽ xem và trả lời các bài gửi của SV vào những ngày cụ thể. GV cũng nên đưa ra mức độ thường xuyên mà mình kiểm tra các cuộc thảo luận trên diễn đàn để giúp SV biết được khi nào bài gửi của các em sẽ được trả lời. Như thế, các cuộc thảo luận cũng tránh được tình trạng bài gửi lập đi lập lại nhiều lần.

Trường hợp một vài SV có thái độ không đúng khi tham gia thảo luận cũng là một thách thức của diễn đàn trực tuyến (phát biểu không nghiêm túc,

không đúng trọng tâm của cuộc thảo luận)... Những phát biểu như vậy có thể làm hỏng cuộc thảo luận hoặc có thể làm chệch mục tiêu mà cuộc thảo luận hướng đến. Để tránh tình trạng này, cần đưa ra những quy định rõ ràng ngay từ đầu của khóa học. Việc đánh giá bài gửi cũng là một cách để kiểm soát thái độ tham gia thảo luận của SV, những đánh giá tốt hay xấu của GV cũng như những học viên khác sẽ tác động đến bảng điểm của mỗi người. Nếu tất cả những quy định đó vẫn không giúp kiểm soát được cuộc thảo luận thì phương án cuối cùng là xóa đi các bài gửi không phù hợp và sau đó có những hình thức kỉ luật thích hợp.

- *Tạo phòng Chat*: Khác với công cụ diễn đàn, đối với công cụ Chat này đòi hỏi tất cả những ai muốn tham gia phải có một máy vi tính kết nối Internet và truy cập vào khóa học trong cùng một thời gian. Để sử dụng công cụ này, trước tiên GV cần tạo ra một phòng Chat và phải nêu ra thời gian cụ thể trong phần nhiệm vụ của SV sau bài học hay trong thời khóa biểu của khóa học để học viên có thể chủ động trong việc sắp xếp thời gian. Có thể tạo ra một phiên duy nhất cho tất cả SV hoặc cũng có thể tạo ra những phiên khác nhau cho cùng một chủ đề để tất cả SV đều có thể tham gia.

- *Messaging*: Bên cạnh công cụ trao đổi "không đồng thời" là diễn đàn và công cụ trao đổi "đồng thời" là Chat, Moodle còn hỗ trợ một công cụ khác cho phép trao đổi mang tính chất riêng tư giữa hai người dùng. Đó chính là công cụ Messaging. Khác với diễn đàn và Chat, thông điệp cá nhân không nằm trong phạm vi của một khóa học, người dùng này có thể gửi các thông điệp cá nhân cho một người dùng khác không cùng khóa học với mình.

- *Sử dụng chức năng Reports* cung cấp cho GV chi tiết về nhật kí và thông báo của thành viên trong các hoạt động mỗi khi khóa học của GV hoạt động và SV đang học. GV có thể thấy trang mà SV đã truy cập vào, ngày giờ mà SV đó truy cập, địa chỉ IP của SV, hành động của SV (xem, thêm, sửa, xóa). GV có thể sử dụng Participants Reports để xem báo cáo hoạt động của SV và chỉ những tương tác bình thường (xem, đăng bài,...) trong từng module. Chẳng hạn, trong module bài kiểm tra khi sử dụng chức năng xem báo cáo, GV sẽ biết được số lượng bài kiểm tra mà SV đã thực hiện, kết quả tổng quát, thậm chí có thể xem chi tiết mọi bài kiểm tra SV đã làm.

Nhật kí và báo cáo thực sự hữu ích cho việc theo dõi hoạt động của SV trong lớp. Nếu phân tích căn bản báo cáo của khóa học, GV có thể theo dõi khi nào

SV vào đọc bài. GV sẽ không thể nói chính xác họ đã dành thời gian bao lâu cho khóa học hay là cho một hoạt động nào của khóa học bởi vì nhật kí chỉ báo cáo thời gian truy cập khóa học. Tất nhiên, GV có thể đoán SV đó đã dành thời gian bao lâu để vào một tài nguyên bằng những mốc thời gian khi SV đó bắt đầu với hoạt động tiếp theo.

- *Câu hỏi thăm dò, khảo sát* giúp GV nắm bắt được những phản hồi từ phía người học nhằm phát huy những mặt tích cực đồng thời tìm ra hướng khắc phục những mặt còn hạn chế trong việc QL quá trình học tập của SV.

- *Xây dựng bảng điểm trực tuyến cho SV* của khóa học, các cột điểm có thể tự động cập nhật hoặc GV tự nhập. Bảng điểm trực tuyến cung cấp cho SV thông tin cập nhật về quá trình học của các em trong một khóa học. SV chỉ được xem bảng điểm của mình, không xem được điểm của các SV khác.

* * *

TH có vai trò rất to lớn trong quá trình học tập của SV. Vì vậy, nâng cao năng lực TH cho SV là nhiệm vụ cấp thiết của các trường CĐ, ĐH. A.Đixtevec đã chỉ ra rằng, nghệ thuật sư phạm của người thầy không phải chỉ dạy cho họ cách tìm ra chân lí mà phải tăng cường tổ chức hoạt động TH, tự nghiên cứu, biến quá trình dạy học thành quá trình TH. Mô hình của hệ thống QL học tập trực tuyến Moodle hỗ trợ quá trình TH của SV sẽ giúp GV giảm tải khối lượng dạy học trên lớp, tăng cường thời lượng cho các hoạt động thảo luận và các bài tập vận dụng mà vẫn đảm bảo khối lượng kiến thức theo đề cương môn học. Bên cạnh đó, hệ thống này dễ dàng QL việc học của SV ngoài giờ lên lớp, đồng thời giúp SV chủ động học tập theo kế hoạch đã được GV hướng dẫn và QL được việc học tập của mình một cách hiệu quả, góp phần hình thành và phát triển năng lực TH cho SV ở mức độ TH có người hướng dẫn và dần dần nâng lên mức độ TH hoàn toàn khi SV chủ động trong việc xây dựng kế hoạch TH cho bản thân. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Bích Ngọc (2009). *Tổ chức tốt việc tự học cho sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học theo hình thức tín chỉ hiện nay*. Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Ngoại ngữ 25.
- [2] Tài liệu tập huấn (2010). *Sử dụng Moodle tạo lớp học trực tuyến*. Sở GD-ĐT tạo Tỉnh Hậu Giang.
- [3] <https://moodle.org/mod/glossary/showentry.php?courseid=45&eid=7924&displayformat=dictionary>